TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 20-6-2019
V/v tranh chấp vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Tuân

Bà Lê Thị Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn T1 Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 118, đường N, khu phố A, Phường 7, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 1/2 đường N, khu phố A, Phường 7, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Bà Lê Thị Ngọc N2, sinh năm 1972 (vợ ông T1); Cư trú tại: Số 1/2 đường N, khu phố A, Phường 7, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1972; Cư trú tại: Số 276 đường N1 Chiểu, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thành S: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1977; cư trú tại: Số 321 Đường số 12, Phường 6, thành phố T, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2018).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng công chứng P (trước đây là Văn phòng công chứng M); địa chỉ trụ sở: Số 264 Quốc lộ 62, Phường 2, thành phố T, Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Q - Chức vụ: Trưởng Văn phòng, là người đại diện theo pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An; địa chỉ trụ sở: Số 76 đường H, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Công Đ - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Công Đ: Ông Ngô Hoàng T2 - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2018).

(Bà Gấm, bà N2, ông C có mặt; ông T1, ông Q, ông T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Bà Lê Thị Ngọc N2 có nợ của bà và đồng ý trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng. Vụ việc được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 176/2013/QĐST-DS ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, bà làm đơn yêu cầu thi hành án và ngày 16/01/2014, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 587/QĐ-CCTHA. Trong thời gian thi hành án, vợ chồng ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Ngọc N2 đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản là nhà ở và đất thuộc sở hữu của ông T1 và bà N2 cho ông Nguyễn Thành S nhưng lại không trả tiền nợ cho bà. Việc bà N2 và ông T1 chuyển nhượng tài sản nhà đất làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Thị Ngọc N2 với ông Nguyễn Thành S lập ngày 21/12/2013 tại Văn phòng công chứng M là vô hiệu đồng thời hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 850191 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Phan Thành S vào ngày 12/02/2014 đối với thửa đất số 202, tờ bản đồ số 01-23a, diện tích 148m^2 tọa lạc số 154, đường Châu Thị K, khu phố B, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 trình bày: Ông hoàn toàn không biết việc bà N2 vay tiền của bà G. Đối với tài sản nhà và đất tại số 154 đường Châu Thị K, Phường 3, thành phố T là tài sản riêng của ông không có liên quan đến bà N2. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà G.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc N2 trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu T1 có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 154 đường Châu Thị K, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Thành S. Lúc chuyển nhượng thì phần đất đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Long An nên ông S trả số tiền cho Ngân hàng để xóa thế chấp, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục chuyển nhượng. Số tiền nhận được do chuyển nhượng đất, ông T1 giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T để thi hành án phần nợ của ông T1, bà không có nhận khoản tiền nào từ việc chuyển nhượng đất. Ngoài ra, tài sản đã chuyển nhượng là của mẹ ruột ông T1 cho ông T1 nên ông T1 có quyền quyết định. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà G.

Bị đơn ông Nguyễn Thành S và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Minh C trình bày: Ông S có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua căn nhà số 154A đường Châu Thị K, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An của ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Ngọc N2 với giá 700.000.000 đồng. Khi mua tài sản này ông S phải trả tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Long An do ông T1 và bà N2 thế chấp tài sản để vay tiền tại Ngân hàng. Sau đó, ông S đem tiền nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T để trả số tiền nợ của ông T1 do ông T1 phải thi hành án. Mặt khác, khi làm thủ tục chuyển nhượng đất đã có xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An xác nhận phần đất không tranh chấp nên việc ông S nhận chuyển nhượng nhà đất từ vợ chồng ông T1 bà N2 là hợp pháp. Số tiền sau khi thi hành án có dư và ông có trả đủ cho vợ chồng ông T1 bà N2. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng P (trước đây là Văn phòng Công chứng M) do ông Nguyễn Văn C1 trình bày như sau: Vào ngày 21/12/2013, Văn phòng công chứng M có nhận phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu T1. Sau khi đối chiếu và kiểm tra tính xác thực việc yêu cầu công chứng cũng như sau khi xác định các chủ thể tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi dân sự và giao dịch là phù hợp pháp luật đồng thời không trái đạo đức xã hội cũng như các bên tự nguyện tham gia giao dịch hợp đồng, đã xuất trình và thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật về công chứng, do đó việc công chứng hợp đồng nêu trên là hoàn toàn đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T do ông Ngô Hoàng T2 đại diện trình bày: Ngày 21/12/2013, ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Ngọc N2 đã thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành S được Phòng công chứng M công chứng hợp đồng số 2584. Sau khi hoàn thành các thủ tục hành chính và nghĩa vụ tài chính theo quy định, Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 850191 thửa số 202, tờ bản đồ số 1-23a, loại đất thổ ODT, diện tích 148m^2 tọa lạc Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Thành S. Việc cấp giấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành S là theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Đất đai năm 2003. Ông T2 đề nghị vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng bị đơn bà Lê Thị Ngọc N2 và ông Nguyễn Hữu T1 vắng mặt đến lần thứ hai nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng hoặc thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc N2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Minh C đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời xác định nếu Tòa án có tuyên bố giao dịch dân sự giữ vợ chồng ông T1 bà N2 với ông S vô hiệu thì ông S vẫn không yêu cầu Tòa án xử lý hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu trong vụ án này.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đại diện của Ủy ban nhân dân thành phố T, Văn phòng công chứng P có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do chính đáng, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: xét yêu cầu của bà G thấy rằng, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 176/2013/QĐST-DS ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T đã công nhận sự thỏa thuận giữa bà G và bà N2, theo đó, bà N2 thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà G số tiền 45.000.000 đồng. Bà N2 sẽ T1 toán số tiền trên cho bà G từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013. Ngày 21/12/2013, ông Nguyễn Hữu T1 bà Lê Thị Ngọc N2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 202, tờ bản đồ số 01-20a, diện tích 148m^2, tọa lạc số 154 Châu Thị K, khu phố B, Phường 7, thành phố T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Thành S vào ngày 21/12/2013. Việc chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng công chứng M. Tuy nhiên, trước đó, vợ chồng ông T1 bà N2 đã thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Long An, ông S đã trả tiền nợ cho ngân hàng thay cho ông T1 bà N2 để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, sau đó ông S còn trả các khoản tiền mà ông T1 phải thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo giấy xác nhận kết quả thi hành án ngày 20/12/2013 và công văn số 756/CV-CCTHA ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Đến ngày 16/01/2014, bà G mới nộp đơn yêu cầu thi hành án. Như vậy, tại thời điểm ông T1

bà N2 và ông S ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì chưa phát sinh quyền yêu cầu thi hành án của bà G đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 176/2013/QĐST-DS ngày 11/9/2013. Hơn nữa, ông T1 bà N2 và ông S ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải nhằm mục đích tẩu tán tài sản để không thi hành án cho bà G mà là để trả nợ ngân hàng và thi hành án những bản án, quyết định của Tòa án mà ông T1 là người có nghĩa vụ phải thi hành án. Do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/12/2013 giữa các đương sự không bị vô hiệu theo Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà G phải chịu án phí theo quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G khởi kiện tranh chấp yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Thị Ngọc N2 và ông Nguyễn Thành S là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Thị Ngọc N2, ông Nguyễn Thành S có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long An nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 vắng mặt không có lý do chính đáng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm Văn phòng công chứng P và đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1, người có quyền và nghĩa vụ liên quan nêu trên là phù hợp quy định Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Về yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ông Nguyễn Hữu T1 là người đứng tên quyền sử dụng phần đất có diện tích 148m^2, thửa số 202, tờ bản đồ số 1-23a, tọa lạc số 154 đường Châu Thị K, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An. Vào ngày 21/12/2013, vợ chồng ông T1 bà N2 làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành S, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng M (nay là Văn phòng công chứng P). Ngày 12/02/2014, ông S được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 202. Nguyên đơn bà G yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên với lý do việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các đương sự làm hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà G, ông T1 bà N2 cố tình tẩu tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 176/2013/QĐST-DS ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T thì bà N2 có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền 45.000.000 đồng, thời gian trả đến ngày 30/12/2013. Sau khi chuyển nhượng đất, bà N2 không thực hiện trả nợ cho bà G. Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông T1 bà N2 và ông S xác lập

thấy: Hợp đồng trên có công chứng của Văn phòng công chứng M. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, ông T1 và bà N2 có vay và thế chấp thửa đất 202 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Long An, ông S có T1 toán cho Ngân hàng số tiền nợ tại Ngân hàng và ông S có nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T để trả toàn bộ số nợ mà ông T1 phải có nghĩa vụ phải thi hành theo xác nhận kết quả thi hành án ngày 20/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Căn cứ theo văn bản cung cấp thông tin số 756/CV-CCTHA ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thì vào ngày 16/01/2014, cơ quan thi hành án mới nhận được yêu cầu thi hành án của bà G. Do đó, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện vào ngày 21/12/2013 là trước khi bà G yêu cầu thi hành án. Tại Điều 24 Luật Thi hành án dân sự quy định "*Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án mà không còn tài sản nào khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác"*. Như vậy, khi thực hiện việc chuyển nhượng đất cho ông S, ông T1 và bà N2 đã dùng số tiền để trả nợ Ngân hàng (do tài sản thế chấp cho Ngân hàng), thực hiện nghĩa vụ thi hành án của ông T1 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T và cũng tại thời điểm này bà G chưa có đơn yêu cầu thi hành án. Từ đó cho thấy, việc ông T1 bà N2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S không phải nhằm mục đích tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với bà G nên bà G khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà N2 với ông S xác lập ngày 21/12/2013 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho ông Nguyễn Thành S vào ngày 12/02/2014 đối với thửa đất số 202, thấy rằng: Như phân tích tại đoạn [3.1], bà G yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T1 bà N2 và ông S xác lập ngày 21/12/2013 là không có căn cứ. Mặt khác, theo ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân thành phố T thì trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành S là đúng quy định pháp luật về đất đai. Do đó, nguyên đơn bà G yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông S đối với thửa đất số 202 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà G không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Thị Ngọc N2 với ông Nguyễn Thành S xác lập vào ngày 21/12/2013 đối với thửa 202, tờ bản đồ số 1-23a, diện tích 148m^2 tại Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 850191 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Thành S vào ngày 12/02/2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà Gđã nộp theo biên lai thu số 0002404 ngày 04/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Các đương sự (06);
- Lưu: HS vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phượng